



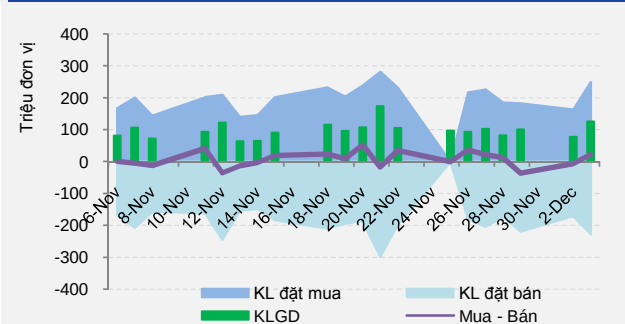
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 3/12/2013

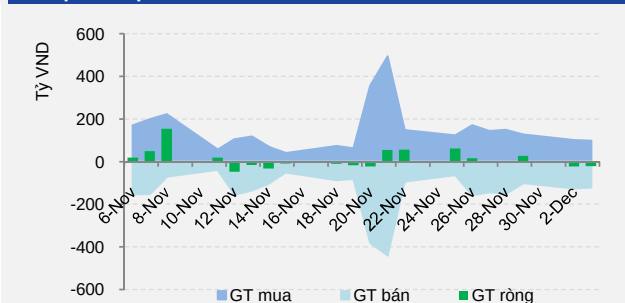
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	511.6	65.6
% Thay đổi	↑ 0.6%	↑ 0.8%
KLGD (CP)	125,503,230	43,359,861
GTGD (tỷ đồng)	1,766.48	334.48
Tổng cung (CP)	226,738,170	78,088,700
Tổng cầu (CP)	248,863,760	78,994,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,922,190	285,430
KL mua (CP)	3,433,080	683,400
GTmua (tỷ đồng)	97.73	6.35
GT bán (tỷ đồng)	119.16	3.92
GT ròng (tỷ đồng)	(21.43)	2.43

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.91%	7.3	1.7	4.0%
Công nghiệp	↑ 1.97%	228.2	1.1	27.6%
Dầu khí	↓ -0.50%	7.7	1.4	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.70%	14.0	1.9	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.30%	8.7	2.8	2.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.85%	12.5	5.2	11.0%
Ngân hàng	↓ -0.21%	11.0	1.3	3.2%
Nguyên vật liệu	↑ 0.14%	10.0	2.0	7.7%
Tài chính	↑ 1.35%	15.9	2.5	32.6%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.15%	8.9	3.3	7.3%
VN - Index	↑ 0.61%	12.9	3.0	84.1%
HNX - Index	↑ 0.78%	16.9	1.6	15.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,953,760	1.6%	1,450,180	1.2%
GTGD (tỷ VND)	46,214	2.6%	26,910	1.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm ngay từ đầu phiên khi nhà đầu tư kỳ vọng Quyết định về việc nới giới hạn sở hữu cổ phần của NĐTNN tại DNNY sớm được thông qua. Dòng tiền đổ vào thị trường tăng mạnh, tập trung vào nhóm cổ phiếu kỳ vọng được hưởng lợi từ quyết định nới room. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ thuộc ngành vận tải, XD, VLXD, BĐS cũng là tâm điểm thu hút dòng tiền.

Chỉ số HNX-Index tăng điểm khá mạnh trong phiên chiều, sau diễn biến trầm lắng trong suốt phiên giao dịch buổi sáng. Diễn biến tăng khả năng tại nhóm cổ phiếu penny tại sàn HOSE giúp dòng tiền tham gia tại sàn HNX mạnh dạn hơn.

Khối lượng đặt bán đã tăng khá mạnh khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm, HNX-Index tăng đến ngưỡng cản 66 điểm, thị trường đóng cửa thấp hơn mức cao nhất. Phiên tăng điểm với khối lượng khớp lệnh tăng khá mạnh là tín hiệu tích cực về dòng tiền.

Áp lực cung giá cao dự kiến tiếp tục gia tăng trong phiên giao dịch ngày mai. Mốc 513 điểm đối với VN-Index, 66 điểm đối với HNX-Index dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, ưu tiên nhóm cổ phiếu Bluechips và midcaps có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 3.09 điểm (0.61%), lên 511.62 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 514.83 điểm.

- HNX-Index tăng 0.51 điểm (0.78%), lên 65.64 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 66.08 điểm.

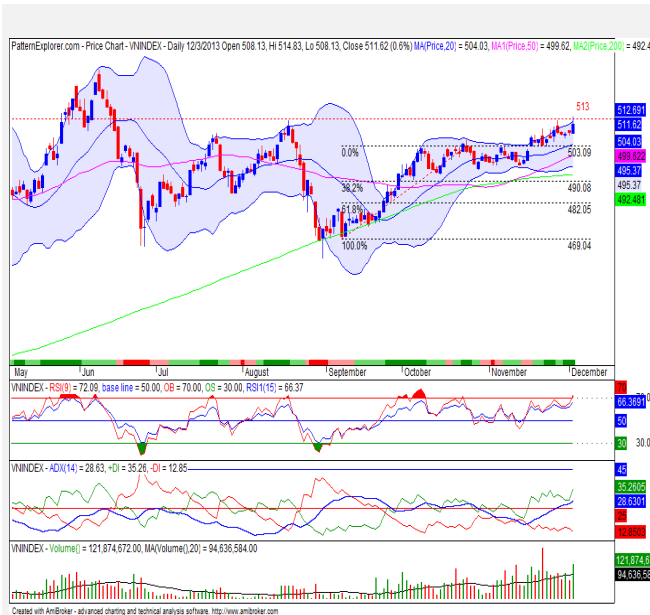
- Đến ngày 21/11/2013, VAMC đã mua được 18398 tỷ đồng nợ xấu theo giá trị sổ sách, với giá mua là 14398 tỷ đồng. Dự kiến đến hết năm 2013 sẽ mua được tối thiểu 30-35 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Tốc độ tăng nợ xấu bình quân 9 tháng đầu năm 2013 đã giảm đáng kể so với năm 2012 (2.2% một tháng so với mức 3.91% của năm 2012). Tổng nợ xấu đã được xử lý và đưa ra theo dõi ngoại bảng trong năm 2012 và 9 tháng đầu năm 2013 là 101700 tỷ đồng (năm 2012 là 69.200 tỷ đồng, 9 tháng đầu năm 2013 là 32500 tỷ đồng). Số dự phòng rủi ro đến cuối tháng 9 là 77400 tỷ đồng, tăng 21.6% so với cuối năm 2012.

- Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tình hình kinh tế - xã hội 11 tháng đầu năm có dấu hiệu khả quan, với điểm sáng là kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá, giảm lãi suất và cải thiện thu ngân sách. Dự báo CPI năm 2013 có khả năng thấp hơn năm 2012 (6.81%). Mặt bằng lãi suất huy động giảm được 2 - 3%, lãi suất cho vay giảm 3 - 5%/năm so với đầu năm và được duy trì ổn định trong những tháng gần đây. Dự nợ tín dụng đến 20/11 ước tăng 7.21% so với tháng 12/2012, từ mức 6.48% tính đến ngày 20/10. Thanh khoản của các TCTD được cải thiện, lãi suất liên Ngân hàng theo chiều hướng giảm.

- Hôm nay Diễn đàn Doanh nghiệp - nơi trao đổi trực tiếp giữa doanh nghiệp với lãnh đạo Chính phủ về môi trường kinh doanh, kiến nghị các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp - đã diễn ra tại Hà Nội. Có khá nhiều kiến nghị đã được đưa ra với các cơ quan Chính phủ, trong đó tâm điểm là vấn đề nới room nước ngoài. Việc Dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định 55/2009/QĐ-TTg về tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY dự kiến sớm được công bố giúp dòng tiền tham gia thị trường tăng khá mạnh.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 3.09 điểm (0.61%), lên 511.62 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 514.83 điểm.

- KLGD tăng mạnh 65% so với phiên trước, lên 121.8 triệu đơn vị, thấp hơn mức 90 triệu của trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 67 điểm, tâm lý thị trường khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm ngay từ đầu phiên khi nhà đầu tư kỳ vọng Quyết định về việc nới giới hạn sở hữu cổ phần của NĐTNN tại DNNY sớm được thông qua. Dòng tiền đổ vào thị trường tăng mạnh, tập trung vào nhóm cổ phiếu midcaps kỳ vọng được hưởng lợi từ quyết định nới room. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ thuộc ngành vận tải, XD, VLXD, BĐS cũng là tâm điểm thu hút dòng tiền. Áp lực bán đã tăng khá mạnh khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm, thị trường đóng cửa thấp hơn mức cao nhất. Tuy nhiên dòng tiền vào thị trường khá tích cực.

Áp lực cung giá cao dự kiến tiếp tục gia tăng trong phiên giao dịch ngày mai. Mốc 513 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quyết định lựa chọn cổ phiếu nên ưu tiên nhóm cổ phiếu Bluechips midcaps có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.51 điểm (0.78%), lên 65.64 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 66.08 điểm.

- KLGD tăng mạnh 54% so với phiên trước, lên 41.7 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI 14 tăng mạnh lên mức 78 điểm, ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách tiếp tục thu hẹp dần.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm khá mạnh trong phiên chiều, sau diễn biến khá trầm lắng trong suốt phiên giao dịch buổi sáng. Phiên tăng điểm với khối lượng khớp lệnh tăng khá mạnh là tín hiệu tích cực về dòng tiền. Diễn biến tăng khá nóng tại nhóm cổ phiếu penny tại sàn HOSE giúp dòng tiền tham gia tại sàn HNX mạnh dạn hơn. Áp lực cung đã xuất hiện khá mạnh khi HNX-Index tăng đến ngưỡng cản 66 điểm. Nhưng nhìn chung diễn biến thị trường cho tín hiệu tích cực về dòng tiền.

Áp lực cung giá cao dự kiến tiếp tục gia tăng trong phiên giao dịch ngày mai. Mốc 66 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quyết định lựa chọn cổ phiếu nên ưu tiên nhóm cổ phiếu Bluechips midcaps có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.



TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	2.18
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	12.92
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.00
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	29.40
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.73
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.25
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	38.82
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	48.99
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	23.17
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	43.70

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

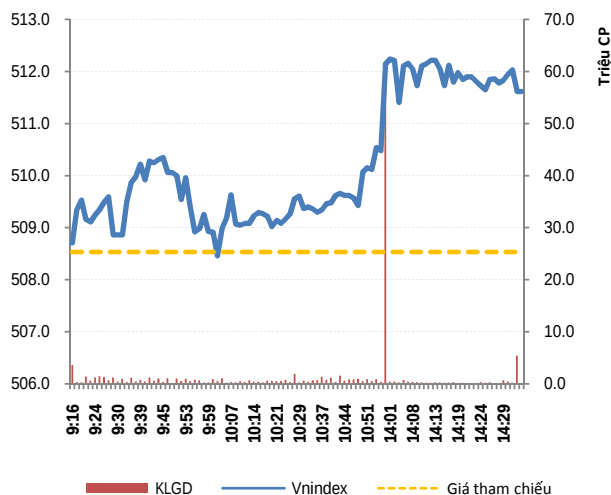
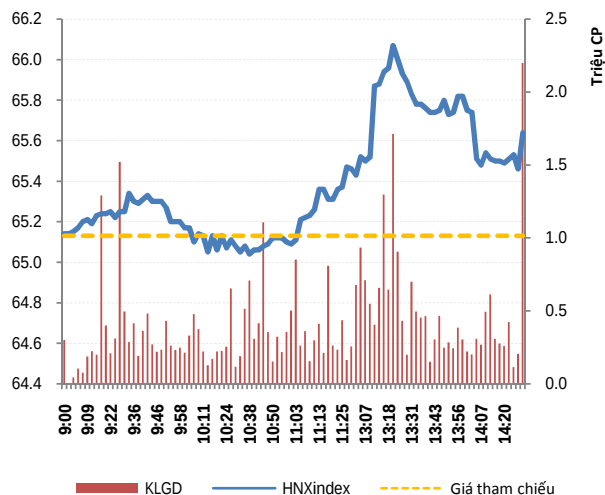
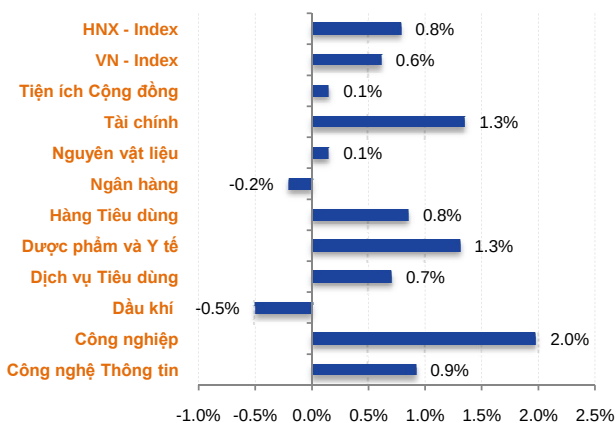
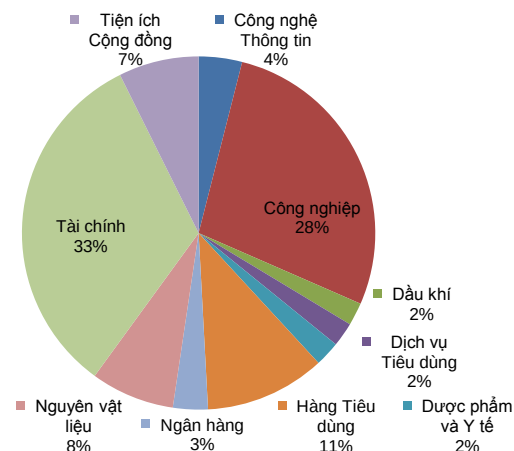
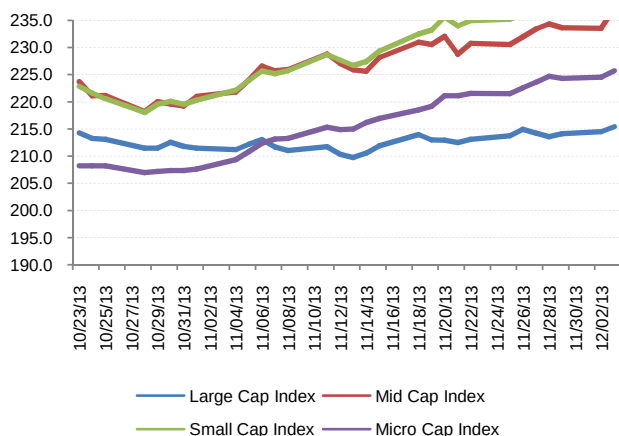
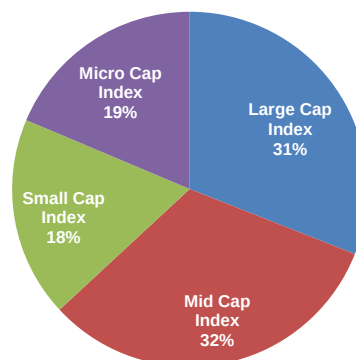
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN (%)
1	FCM	HOSE	22.69	0.0%	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20375.0%	17.1%	3.91
2	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17307.3%	104.8%	49.00
3	CLG	HOSE	86.07	308.9%	0.82	136.8%	257.96	357.4%	27.18	2886.8%	130.6%	8.46
4	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.25
5	SDP	HNX	191.78	121.3%	-0.11	95.7%	551.58	94.4%	3.9	1214.3%	64.0%	0.37
6	VCG	HNX	2700.72	121.8%	26.52	131.2%	8423.24	110.0%	123.22	995.3%	34.4%	4.18
7	FIT	HNX	11.62	0.0%	15.29	0.0%	34.62	318.5%	18.01	809.1%	76.1%	-
8	KSS	HOSE	28.94	31.0%	1.35	16.4%	184.1	72.1%	10.59	757.8%	30.3%	5.03
9	FLC	HOSE	348.4	186.3%	26.16	3270.0%	998.99	250.6%	46	631.3%	0.0%	1.68
10	VE1	HNX	12.91	122.8%	0.16	138.1%	41.69	176.1%	2.23	555.1%	63.7%	3.73

CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI LỚN

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN (%)
1	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	-13.3%	76.0%	49.00
2	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	-63.9%	11.9%	49.00
3	SSI	HOSE	177.15	97.8%	94.2	207.9%	522.51	90.7%	350.46	16.9%	95.4%	49.00
4	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17307.3%	104.8%	49.00
5	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.00
6	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	48.99
7	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	257.0%	110.4%	47.95
8	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.73
9	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	43.70
10	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	38.82
11	CII	HOSE	391.4	435.7%	52.23	27.8%	563.1	298.8%	10.44	-97.1%	3.4%	38.80
12	DBC	HNX	1150.56	105.6%	55.16	311.5%	3390.68	83.4%	98.22	-62.6%	47.1%	38.75

Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 02/12/2013

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PTL	172,000	HAG	1,909,320
2	MSN	165,860	PVT	365,000
3	VPH	128,980	HBC	202,340
4	EIB	123,440	PVD	148,360
5	VSH	120,680	CII	100,260

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHN	100,000	PGS	35,400
2	TIG	70,000	PFL	25,000
3	VND	70,000	DBC	20,000
4	PVS	68,900	IVS	18,000
5	SHB	57,700	PVX	17,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVT	11.6	12.4	↑ 6.90%	7,590,550
FLC	7.7	8.0	↑ 3.90%	6,855,210
ITA	6.6	6.7	↑ 1.52%	5,510,720
REE	28.6	29.8	↑ 4.20%	5,298,450
PTL	2.9	3.1	↑ 6.90%	4,506,420

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	6.8	7.0	↑ 2.74%	3,906,055
SHN	0.9	1.0	↑ 8.89%	3,137,004
VCG	9.9	10.2	↑ 3.00%	2,692,522
SHB	7.0	7.0	↑ 0.11%	2,635,316
PVX	2.4	2.5	↑ 3.63%	2,510,559

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SCD	20.0	21.4	1.4	↑ 7.00%
KMR	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
PNC	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
PTL	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
PVT	11.6	12.4	0.8	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
SDG	21.2	23.3	2.1	↑ 9.91%
PRC	9.5	10.4	0.9	↑ 9.35%
KST	5.4	5.9	0.5	↑ 9.26%
SGD	10.9	11.9	1.0	↑ 9.17%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDG	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%
PXM	1.5	1.4	-0.1	↓ -6.67%
CMT	6.1	5.7	-0.4	↓ -6.56%
COM	26.1	24.4	-1.7	↓ -6.51%
SPM	31.0	29.0	-2.0	↓ -6.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDT	33.0	29.7	-3.3	↓ -10.00%
VNF	19.0	17.1	-1.9	↓ -10.00%
HAT	30.2	27.3	-2.9	↓ -9.72%
MIC	10.6	9.6	-1.0	↓ -9.33%
BHC	2.0	1.8	-0.2	↓ -9.30%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	7,590,550	5.9%	680	18.2	1.1
FLC	6,855,210	6.3%	990	8.1	0.5
ITA	5,510,720	0.2%	26	260.0	0.6
REE	5,298,450	23.6%	4,152	7.2	1.6
PTL	4,506,420	-4.3%	(427)	-	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	3,906,055	-1.1%	(160)	-	0.5
SHN	3,137,004	-135.7%	(2,464)	-	1.2
VCG	2,692,522	3.4%	403	25.1	0.8
SHB	2,635,316	17.1%	1,884	3.8	0.6
PVX	2,510,559	-92.1%	(5,013)	-	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SCD	↑ 7.0%	16.0%	3,295	6.5	1.0
KMR	↑ 7.0%	3.2%	377	24.4	0.7
PNC	↑ 7.0%	-15.0%	(1,549)	-	0.5
PTL	↑ 6.9%	-4.3%	(427)	-	0.3
PVT	↑ 6.9%	5.9%	680	18.2	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
SDG	↑ 9.9%	20.8%	3,236	7.2	1.4
PRC	↑ 9.3%	4.6%	1,011	8.8	0.4
KST	↑ 9.3%	7.9%	1,398	4.2	0.4
SGD	↑ 9.2%	13.3%	1,999	5.7	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PTL	172,000	-4.3%	(427)	-	0.3
MSN	165,860	2.7%	557	149.1	4.6
VPH	128,980	4.3%	626	15.2	0.6
EIB	123,440	7.9%	965	13.6	1.1
VSH	120,680	7.7%	963	15.1	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	100,000	-135.7%	(2,464)	-	1.2
TIG	70,000	6.6%	649	10.8	0.7
VND	70,000	10.9%	1,265	8.3	0.9
PVS	68,900	17.3%	2,872	6.4	1.1
SHB	57,700	17.1%	1,884	3.8	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	40.9%	6,696	9.7	3.7
VNM	118,353	40.5%	8,053	17.6	7.0
VCB	65,815	9.8%	1,757	16.2	1.6
VIC	64,520	47.1%	6,710	10.6	4.0
CTG	63,670	16.0%	2,287	7.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,175	17.3%	2,872	6.4	1.1
SHB	6,291	17.1%	1,884	3.8	0.6
OCH	5,080	5.9%	687	37.0	2.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.52	12.5%	1,402	6.9	0.8
PXM	2.46	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
BVH	2.24	9.0%	1,618	25.5	2.4
GMD	2.23	4.3%	1,729	17.9	0.8
DIG	2.17	0.2%	28	442.6	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	7.30	-135.7%	(2,464)	-	1.2
TTZ	6.46	1.3%	135	31.1	0.4
CVN	4.48	-43.4%	(4,323)	-	0.4
PXA	4.48	-101.5%	(5,461)	-	0.5
SDP	4.30	3.0%	410	16.4	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)